VAI TRÒ CỦA CHUYỂN ĐỔI SỐ TRONG VIỆC NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG GIẢNG DẠY CÁC MÔN LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ Ở ĐẠI HỌC BÁCH KHOA HÀ NỘI HIỆN NAY

NGUYỄN QUANG TRƯỜNG
Đại học Bách khoa Hà Nội

Nhận bài ngày 05/4/2025. Sửa chữa xong 13/4/2025. Duyệt đăng 04/5/2025.

Abstract

Digital transformation brings both opportunities and challenges for education and training, especially in relation to Political Theory subjects. This article examines the role of digital transformation in enhancing the quality of teaching political theory subjects at Hanoi University of Science and Technology, in order to implement Resolution No. 57 - NQ/TW of the Politburo on breakthroughs in the development of science, technology, innovation, and national digital transformation in the current period.

Keywords: *Digital transformation, Hanoi of Science and Technology, Teaching Political Theory, teaching quality.*

1. Đặt vấn đề

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng xác định: "*Phát triển mạnh khoa học, công nghệ và chuyển đổi số (CĐS) là động lực chính của tăng trưởng kinh tế*" [2, tr. 227]. Để thích ứng với tình hình mới và tận dụng cơ hội mà cuộc Cách mạng công nghiệp (CMCN) lần thứ 4 mang lại, ngày 22/12/2024, Bộ Chính trị đã ban hành Nghị quyết số 57-NQ/TW *về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và CĐS quốc gia*. Đảng và Nhà nước ta đã có nhiều chủ trương, chính sách đẩy mạnh ứng dụng, phát triển khoa học, công nghệ, thúc đẩy đổi mới sáng tạo và CĐS, chủ động, tích cực tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, đạt được nhiều kết quả quan trọng. CĐS trong giáo dục, đào tạo là sử dụng công nghệ số hay ứng dụng công nghệ số trên cơ sở các dữ liệu số hóa, nâng cao hiệu quả hoạt động giáo dục, thay đổi mô hình và cách thức triển khai nhằm tạo ra nhiều cơ hội và giá trị mới, cải thiện và nâng cao hiệu quả hoạt động dạy học trước sự thay đổi của bối cảnh. Đó cũng chính là quá trình cải tiến phương pháp giảng dạy, cải tiến các thiết bị, dụng cụ hỗ trợ học tập để nâng cao trải nghiệm của người học và người dạy. Trong giảng dạy các môn Lý luận chính trị (LLCT) ở Đại học Bách khoa Hà Nội, CĐS giúp tạo ra môi trường học tập nơi mà mọi thứ được kết nối với nhau. Sự kết hợp của công nghệ thông tin và bảo mật nhằm thu hẹp mọi khoảng cách, tạo ra sự trải nghiệm tốt nhất trong học tập cho sinh viên (SV) nói chung, đồng thời, tăng cường sự tương tác giữa giảng viên (GV) và SV. Tuy nhiên, công tác CĐS trong giảng dạy các môn LLCT ở Đại học Bách khoa Hà Nội cũng đặt ra một số thách thức, bao gồm việc đảm bảo truy cập công bằng đến công nghệ, đào tạo và hỗ trợ cho GV và SV, đảm bảo an toàn và bảo mật thông tin trong môi trường số.

2. Tầm quan trọng của chuyển đổi số trong giảng dạy các môn Lý luận chính trị

CĐS trong giảng dạy các môn LLCT là giúp việc cung cấp các kiến thức, kỹ năng, thái độ đối với môn học chất lượng hơn và tạo cơ hội bình đẳng cho tất cả SV trong trường được tiếp cận. Tầm quan trọng của CĐS trong giảng dạy các môn LLCT được thể hiện:

Email: quangtruongbk@gmail.com

2.1. Thông tin đa dạng hơn

Khi ứng dụng công nghệ số, mọi thông tin dường như đều có thể tìm thấy trên mạng Internet với sự đa dạng của các chủ đề và chúng đều có tính tin cậy cao. Chỉ cần một cái kích chuột là SV có thể nhận được hàng ngàn câu trả lời qua các trang web. Đối với các môn LLCT, thông tin tham khảo trên mạng Internet còn có cả những thông tin sai lệch về đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước. Vì vậy, SV cần biết cách chọn lọc và tìm kiếm thông tin một cách thông minh để tiếp cận được với thông tin bổ ích và chính xác nhất cho môn học.

2.2. Linh hoạt trong học tập và tư duy mở

Đại dịch Covid-19 đã khiến cho một thời gian trường học phải đóng cửa, các thầy cô giáo ít nhiều đã trải qua việc sử dụng các phần mền Zoom, Google Meet, Microsoft Team, Powerpoint hay Email/Web... để dạy học. SV có thể tham gia học tập ở mọi lúc, mọi nơi, trao đổi kiến thức, thảo luận hoặc tương tác với nhau một cách dễ dàng qua các lớp học trực tuyến trên. Tiếp cận các khóa học trực tuyến một cách bình đẳng cũng đã góp phần thu hẹp khoảng cách giàu - nghèo giữa các SV. Bởi SV ở vùng sâu, vùng xa và vùng thu nhập thấp thường gặp khó khăn trong tiếp cận môn học, cách học...Tiếp cận các khóa học trực tuyến có thể giúp khắc phục phần nào hạn chế này. Do vậy, nhà trường cũng như khoa đã phát triển những chương trình đào tạo linh hoạt, phù hợp theo nhu cầu của SV trên nền tảng trực tuyến trong khuôn khổ pháp lý cho phép. Thông qua các ứng dụng như Skype hay các trang mạng xã hội phổ biến khác, SV có thể dễ dàng giao tiếp trong thời gian thực trên toàn cầu. Điều này giúp SV có thể mở mang tầm nhìn, cập nhật nhanh chóng các thông tin, kiến thức hữu ích phục vụ cho môn học.

2.3. Phổ biến kiến thức kỹ thuật số cho sinh viên và việc học tập được cá nhân hóa

SV ngày nay tốt nghiệp và sẽ trở thành lực lượng lao động chính của đất nước. Vì vậy, công nghệ, kỹ thuật số là cốt lõi trong các hoạt động làm việc của họ. Có thể thấy, CĐS trong giáo dục góp phần rất lớn trong việc trau dồi kiến thức kỹ thuật số cho SV. Các công nghệ, phần mềm học trực tuyến hiện đại cho phép SV dễ dàng tùy chỉnh các bài giảng theo tốc độ phù hợp, đúng sở thích và mức độ khả năng nhận thức của mỗi người. Bên cạnh đó, các nền tảng học tập tùy chỉnh cũng cho phép SV kết hợp các tài liệu học tập từ nhiều nguồn khác nhau, nhờ vậy sẽ có những trải nghiệm phù hợp hơn.

2.4. Tương tác nhiều hơn

Các môn LLCT thường bị SV coi là những môn học khô khan, không thiết thực...Ứng dụng công nghệ số, GV có thể cung cấp cho SV những phương pháp thú vị hơn để học tập, đồng thời dễ dàng tiếp thu thông tin mới bằng các công cụ hiện đại như máy tính bảng, máy chiếu, chatbot, AR/ VR, phần mềm hỗ trợ AI,...để làm phong phú thêm nội dung bài giảng, gây hứng thú cho SV khi học tập môn học. Như vậy, có thể thấy, CĐS trong giảng dạy giúp tạo ra sự tiếp cận thông tin và kiến thức một cách dễ dàng, thu hẹp khoảng cách, cung cấp linh hoạt về thời gian và không gian học tập, tạo ra nhiều cơ hội học tập và phát triển bản thân cho SV. Công nghệ số hóa cho phép SV học theo tốc độ cá nhân, trải nghiệm nhiều nguồn tài liệu học tập đa dạng, tương tác và hợp tác trực tuyến và đánh giá tiến trình học tập một cách chi tiết.

3. Thực trạng chuyển đổi số trong giảng dạy các môn Lý luận chính trị ở Đại học Bách khoa Hà Nội hiện nay

Khi cuộc CMCN 4.0 thâm nhập vào tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội, có thể thấy rõ những thành tựu từ cuộc cách mạng này có ảnh hưởng rất lớn tới hoạt động giáo dục, đào tạo nói chung và công tác giáo dục LLCT cho SV tại Đại học Bách khoa Hà Nội nói riêng. Theo đó, việc giảng dạy LLCT cho SV sẽ có nhiều thuận lợi trong công tác giảng dạy, học tập, phát huy năng lực của cả người dạy và người học. Sự bùng nổ của công nghệ đã giúp quá trình CĐS trong giảng dạy các môn LLCT được tiếp nhận thêm nhiều phương thức giảng dạy mới, mang lại tín hiệu tích cực. Các thiết bị thông minh như máy chiếu, bảng điện tử,... hỗ trợ học tập được lắp đặt tại các phòng học. Nhà trường đã tiến hành áp dụng phương thức dạy học trực tuyến, tạo điều kiện cho SV học tập linh hoạt và an toàn như tổ chức

các khóa học E-learning, tài liệu, Ebook online,...Thư viện đã triển khai xây dựng cơ sở dữ liệu chung. Bên cạnh đó, nhà trường tiến hành sử dụng phần mềm quản lý trường học, lớp học, điểm danh.... Việc áp dụng CĐS trong giảng dạy các môn LLCT đã góp phần thúc đẩy hoạt động tự học của SV với các tài liệu trực tuyến phong phú. Một kho học liệu số khổng lồ với hơn trăm ngàn học liệu số thuộc nhiều lĩnh vực khác nhau, bao gồm: Giáo trình, bài giảng, bài tập, kiểm tra, đánh giá, trò chơi học tập, video bài giảng, E-learning...Trong số đó có thể kể đến hoạt động chia sẻ bài giảng điện tử cùng hàng ngàn luận văn, luận án, đồ án tốt nghiệp, nghiên cứu khoa học cùng hàng trăm câu hỏi trắc nghiệm các môn học LLCT được xây dựng bởi những GV có chuyên môn. Đồng thời, nhà trường đã triển khai hoạt động giảng dạy gắn liền với nhu cầu về nguồn nhân lực từ các doanh nghiệp. Qua đó, nắm bắt thông tin, khoa cập nhật chương trình giảng dạy, dự báo các ngành nghề mới theo xu hướng chuyển dịch cơ cấu kinh tế số, cơ cấu sản xuất nhằm phù hợp và đáp ứng được với sự phát triển của thị trường, xã hội.

Tuy nhiên, trong thực tế, việc giảng dạy các môn LLCT ở Đại học Bách khoa Hà Nội thực hiện vẫn chưa thực sự hiệu quả như mong muốn. Không ít SV vẫn có cách nhìn thiếu thiện cảm với các môn học này. Họ cho rằng những người học ngành kinh tế, kỹ thuật, khoa học chuyên biệt thì Chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh hay Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam là không liên quan và không cần thiết phải học. Do đó, cần đẩy mạnh hơn nữa ứng dụng CĐS vào giảng dạy các môn LLCT để tạo sức hấp dẫn đối với các môn học này cho SV nhằm đạt mục tiêu giáo dục đề ra.

4. Một số giải pháp chuyển đổi số nhằm nâng cao chất lượng giảng dạy các môn Lý luận chính trị ở Đại học Bách khoa Hà Nội hiện nay

4.1. Đổi mới phương pháp giảng dạy các môn Lý luận chính trị đáp ứng yêu cầu công nghệ cao, tương tác cao

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã căn dặn: "*Học tập chủ nghĩa Mác-Lênin là học tập cái tinh thần xử trí mọi việc, đối với mọi người và đối với bản thân mình, là học tập những chân lý phổ biến của chủ nghĩa Mác-Lênin để áp dụng một cách sáng tạo vào hoàn cảnh thực tế của nước ta. Học để mà làm*" [4, tr. 292]. Do đó, nếu không làm cho người học được thuyết phục bởi tri thức khoa học của các môn học này thì khó có thể tạo cho họ có được tình cảm trong sáng, niềm tin khoa học và lý tưởng cách mạng. Để làm được điều đó thì đổi mới phương pháp giảng dạy, áp dụng nhiều mô hình dạy học tích cực là yêu cầu cơ bản và cấp thiết. Một thành phần quan trọng của quá trình CĐS ở các trường đại học nói chung, Đại học Bách khoa Hà Nội nói riêng là mô hình dạy học hỗn hợp (blended learning). Đối với các môn LLCT, việc áp dụng mô hình dạy học này góp phần đem đến hiệu quả dạy học cao, lấy người học làm trung tâm, đề cao khả năng tự học, tự nghiên cứu, đặt câu hỏi trong giờ thảo luận, giúp SV phát triển được những kỹ năng cần thiết, đáp ứng được chuẩn đầu ra của môn học. Tuy nhiên, để triển khai được mô hình dạy học hỗn hợp cần phải có một kho học liệu mở hỗn hợp với hệ thống bài giảng, bài tập, tài liệu có tính tương tác cao, được biên soạn sẵn. Đây là một thách thức không nhỏ trong thực hiện CĐS vì bên cạnh chi phí đầu tư để thực hiện còn cần đến sự kiên trì của từng GV trong khoa. Để thực hiện tốt mô hình đào tạo hỗn hợp cần đáp ứng hai yêu cầu: - Tận dụng công cụ và nền tảng số để cung cấp kiến thức liên tục, ở mọi lúc, mọi nơi cho SV; - Cung cấp cơ hội cho SV tiếp cận với môi trường thực tế thông qua phương thức tìm hiểu thực tế (thăm quan viện bảo tàng, các di tích lịch sử, cơ sở sản xuất, đơn vị quân đội, tiếp xúc nhân chứng lịch sử...). Với cách tiếp cận này, SV sẽ được trải nghiệm thực tiễn, học theo phương pháp giải quyết vấn đề, kết hợp chặt chẽ việc học tập trên lớp với vận dụng kiến thức đã học vào các hoạt động thực hành. SV có thể nêu vấn đề để tự giải quyết, tự kiểm tra, tự đánh giá và kiểm tra, đánh giá với nhau. GV phải liên tục cải tiến phương pháp giảng dạy để người học tập trung vào bài giảng, suy nghĩ, đóng góp ý kiến xây dựng bài học. GV cần có kỹ năng sử dụng phương pháp giảng dạy tích cực, vận dụng hợp lý các phương pháp dạy học hiện đại góp phần nâng cao chất lượng giảng dạy; Thực sự lấy người học làm trung tâm, người học sẽ đóng vai trò chủ động trong việc tiếp cận tri thức LLCT. GV cần quan tâm nhiều hơn đến SV, tạo điều kiện cho các em có cơ hội rèn luyện, trải nghiệm. Đó cũng là một tiêu chí phục vụ quá trình đổi mới giáo dục, khuyến khích sự tham gia của người học, tạo nên cách học năng động, người học tự trải nghiệm những kiến thức mới và ghi nhớ nhanh hơn. Vì vậy,

để triển khai giảng dạy, học tập đạt hiệu quả cao, hơn lúc nào hết mỗi GV cần nỗ lực hết mình để hoàn thành nhiệm vụ dạy học theo những yêu cầu mới. Cần nhận thức rằng đổi mới phương pháp, hình thức dạy học là một tất yếu trong điều kiện mới.

4.2. Xây dựng đội ngũ giảng viên giảng dạy các môn Lý luận chính trị đáp ứng yêu cầu công nghệ cao, tương tác cao

Chất lượng giảng dạy các môn LLCT phụ thuộc vào nhiều điều kiện khác nhau nhưng trước hết là phụ thuộc vào đội ngũ cán bộ giảng dạy. Nghị quyết số 57 của Bộ Chính trị đã xác định "Phát triển đội ngũ GV, các nhà khoa học đủ năng lực, trình độ đáp ứng việc giảng dạy lĩnh vực khoa học cơ bản" [1]. GV giảng dạy các học phần LLCT có điều kiện tiếp cận được nguồn tài liệu vô cùng đa dạng trong và ngoài nước nhờ sự tiến bộ của hệ thống Internet kết nối và dữ liệu khổng lồ. Sự phát triển của các phương tiện truyền thông, công nghệ tin học đã trở thành một thế mạnh của thời đại, tạo nên một nền giáo dục mở, phi khoảng cách đem lại nhiều điều kiện thuận lợi cho các GV trong khoa, đặc biệt trong lĩnh vực đổi mới phương pháp dạy học theo hướng hiện đại. Từ đó, GV có thể dễ dàng tìm hiểu sâu sắc nội dung giảng dạy trên các hướng tiếp cận khác nhau, giúp GV tự tin hơn trong giờ dạy. Hơn nữa, GV có thể lựa chọn sử dụng các phương pháp, phương tiện và kỹ thuật dạy học hiện đại, tối ưu áp dụng phù hợp với nội dung giảng dạy trong từng môn học như dạy học e-learning, dạy học online…. Xây dựng đội ngũ GV được trang bị kỹ năng về công nghệ và phương pháp sư phạm để thực hiện CĐS, bao gồm phương pháp giảng dạy theo hướng tiếp cận mới, phương thức vận hành các công cụ, môi trường số, cách thức biên soạn tài liệu số, xây dựng bài giảng tương tác...thông qua một số hoạt động như: Tổ chức các khóa huấn luyện giảng dạy với công nghệ số, giảng dạy theo mô hình hỗn hợp, huấn luyện sử dụng công cụ và nền tảng số...; tổ chức thiết kế, biên soạn lại các môn học LLCT theo mô hình dạy học hỗn hợp, mô hình học liệu mở, bài học có tương tác...; đẩy mạnh hình thức khen thưởng GV có thành tích giảng dạy xuất sắc, hình thành mạng lưới các GV xuất sắc để họ hướng dẫn lại cho các GV khác trong bộ môn; đưa GV đi học tập, trải nghiệm ở các đơn vị công nghệ trong và ngoài nước... Bên cạnh đó, GV phải bám sát đối tượng người học để thiết kế bài giảng cho phù hợp với đối tượng. Cần sử dụng một số phương tiện, trang thiết bị kỹ thuật, sơ đồ, biểu mẫu, tranh ảnh để minh họa hoặc dùng những hình ảnh, hình tượng văn học nghệ thuật… để chứng minh. Vì vậy, để dạy tốt đòi hỏi GV phải nghiên cứu giáo trình, tài liệu tham khảo kết hợp với kiến thức, kinh nghiệm thực tiễn của bản thân để thiết kế bài giảng phù hợp với đối tượng SV trong từng chuyên ngành đào tạo khác nhau. Nghiên cứu và sử dụng hợp lí kinh điển, trích dẫn đúng chỗ, phù hợp với vấn đề, tránh lan man gây ra sự nhàm chán, khô khan cho quá trình tiếp thu của SV. Khi cần thiết phải sử dụng nhằm nhấn mạnh một vấn đề, nội dung nào đó thì phải lựa chọn những câu trích kinh điển có chiều sâu sẽ giúp người học hiểu rõ, nắm vững hơn nội dung bài giảng. Ngoài việc học tập nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, GV cần phải chú trọng bồi dưỡng năng lực sử dụng thành thạo công nghệ thông tin, ngoại ngữ đáp ứng yêu cầu giáo dục, đào tạo trong điều kiện kết nối toàn cầu để có thể tiếp cận những tri thức khoa học do cuộc CMCN 4.0 mang lại. Hơn nữa, tâm thế chủ động, tự tin, quyết tâm và kiên trì sẽ là động lực giúp người thầy đón nhận cuộc CMCN 4.0 một cách hiệu quả để ứng dụng những thành tựu của nó vào trong hoạt động giảng dạy.

4.3. Chuyển đổi số cho hoạt động nghiên cứu khoa học các môn Lý luận chính trị của giảng viên và sinh viên

Hiện nay, các hoạt động nghiên cứu khoa học (NCKH) ở Đại học Bách khoa Hà Nội đang chuyển dịch trọng tâm vào dữ liệu. Việc tạo điều kiện cho GV và SV NCKH là một nhiệm vụ không thể thiếu trong đổi mới phương pháp giảng dạy hiện nay. NCKH là động lực thúc đẩy say mê nghề nghiệp, giúp GV làm chủ được tri thức trên cơ sở độc lập suy nghĩ, sáng tạo, biết vận dụng tri thức vào bài giảng cũng như thực tiễn cuộc sống. Mỗi bài viết, vấn đề nghiên cứu đòi hỏi GV phải vạch ra đề cương, đọc những tài liệu liên quan, vì thế, GV có quá trình tích lũy về lượng để biến đổi về chất; tri thức ngày càng được mở rộng và chuyên sâu. GV sẽ thực sự chủ động trước mọi vấn đề đặt ra và sẽ kết hợp tốt, sử dụng nhuần nhuyễn các phương pháp trong mỗi giờ giảng để nâng cao kết quả đào tạo. Thực hiện CĐS trong NCKH các môn LLCT cần tập trung vào xây dựng các trung tâm dữ liệu, nền tảng kết nối để hình thành mạng

lưới các GV trong khoa và SV trong nhà trường để cùng giải quyết các vấn đề liên quan đến các môn học lý LLCT cụ thể như:

Xây dựng được một trung tâm dữ liệu lớn để thu thập, tích lũy dữ liệu mẫu, dữ liệu cơ bản ở tất cả các môn học LLCT, bao gồm các bài giảng, đề tài NCKH, bài báo...Thông qua việc cùng giải quyết các vấn đề sử dụng bộ dữ liệu dùng chung, các công trình nghiên cứu sẽ liên kết với nhau, thúc đẩy hợp tác, chia sẻ kết quả, đồng kiểm nghiệm kết quả nghiên cứu.

Hình thành ở SV kĩ năng tìm kiếm và chọn lọc, xử lý thông tin cũng như rèn luyện kĩ năng tư duy phản biện. Đây là điều kiện thuận lợi giúp các em có nhiều trải nghiệm để hoàn thiện bản thân, trở thành "những công dân toàn cầu" năng động, sáng tạo và tràn đầy nhiệt huyết. Với xu thế hiện nay đòi hỏi SV phải là người chủ động, tích cực học tập và rèn luyện bản thân, tự chịu trách nhiệm về mọi hoạt động của mình.

Sự nghiệp đổi mới đất nước đã và đang đặt con người vào vị trí trung tâm, coi con người vừa là mục tiêu, vừa là động lực của quá trình phát triển kinh tế - xã hội. Chính những yêu cầu và xu thế phát triển chung đó đòi hỏi sự quan tâm đến giáo dục LLCT cho SV như một vấn đề tất yếu để sử dụng có hiệu quả nguồn nhân lực chất lượng cao trong tương lai. Đây là một trong những xuất phát điểm quan trọng thúc đẩy quá trình đổi mới nâng cao chất lượng giáo dục, đào tạo của nhà trường. Nếu tận dụng có hiệu quả những tác động tích cực từ công nghệ số mang lại vào trong công tác giảng dạy LLCT thì có thể đón đầu xu thế phát triển mạnh mẽ của kinh tế tri thức.

4.4. Nhà trường cần xây dựng hạ tầng chuyển đổi số, dữ liệu, hạ tầng vật lý các môn học Lý luận chính trị và huấn luyện sử dụng cho đội ngũ giảng viên

Trên cơ sở nắm được những yêu cầu đặt ra trước những tác động sâu sắc của quá trình CĐS đối với giảng dạy nói chung và giảng dạy các môn LLCT nói riêng đòi hỏi sự tích cực, chủ động từ phía GV, đồng thời cần sự phối hợp chặt chẽ giữa nhà trường và các cấp quản lí. Do vậy, rất cần tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, quản lý các cấp của nhà trường với công tác CĐS trong giảng dạy các môn LLCT. Phát huy vai trò, trách nhiệm phối hợp giữa phòng công tác SV và với Khoa LLCT và các bộ môn trong việc xây dựng hạ tầng CĐS, hạ tầng dữ liệu. Hạ tầng số quyết định thành công của CĐS trong giáo dục. Hạ tầng số bao gồm mạng lưới kết nối, băng thông mạnh, phương thức sư phạm hiện đại, NCKH, trải nghiệm của người học và các công cụ hoặc nền tảng hỗ trợ ổn định và tin cậy để vận hành. Hạ tầng dữ liệu hay còn gọi là trung tâm dữ liệu là thành phần quan trọng trong quá trình CĐS, trong đó có trung tâm dữ liệu người học và trung tâm dữ liệu GV. Các dữ liệu này được cập nhật thường xuyên và lưu trữ đồng bộ, được phân quyền quản lý và truy cập theo nhóm đối tượng. Băng thông mạnh là một yêu cầu then chốt của hạ tầng số, song không phải bất cứ ai hoặc từ vị trí nào cũng có được kết nối. Do đó, nhà trường cần đầu tư trang thiết bị, phương tiện dạy học hiện đại, đặc biệt quan tâm, đầu tư cột thu sóng wifi đủ mạnh để cho người dạy và người học tham gia kết nối và học tập, tìm kiếm tài liệu trên Internet một cách dễ dàng hơn, đảm bảo việc dạy và học được xuyên suốt. Bên cạnh đó cần phát huy vai trò của các công cụ hỗ trợ với công nghệ, phương tiện hiện đại trong công tác tuyên truyền, giáo dục LLCT nói chung, đạo đức cách mạng nói riêng. Phát huy ưu thế của đài phát thanh nhà trường, Intrernet, báo chí, mạng xã hội, website chính thức của các nhà trường… để tăng cường công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, đạo đức lối sống cho SV. Thông qua đó, mỗi SV có điều kiện để chủ động, tích cực trong học tập, tu dưỡng và rèn luyện. Nhà trường cũng cần xây dựng môi trường thuận lợi cho đội ngũ GV tích cực tự bồi dưỡng năng lực. Đây là một trong những khâu quan trọng trong công tác quản lý để tạo ra và duy trì môi trường mà ở đó mọi người làm việc cùng nhau với tinh thần phấn khởi, tự nguyện để hoàn thành mục tiêu chung. Tuy nhiên, một trong những trở ngại lớn nhất của tiến trình CĐS là sự chậm trễ hoặc không thích ứng kịp thời với các thay đổi: GV không sẵn sàng thay đổi phương pháp sư phạm, cán bộ không thích ứng với quy trình làm việc số...vì thiếu tự tin với quy trình số. Vì vậy, huấn luyện cách vận hành, sử dụng và tiếp cận công nghệ là chìa khóa quan trọng giúp GV vượt qua nỗi sợ đó. Các khóa huấn luyện cần đáp ứng riêng cho từng đối tượng, độ tuổi, nhóm GV môn học...là rất cần thiết.

5. Kết luận

Như vậy, CĐS trong giáo dục không chỉ đơn giản là dạy học trực tuyến, đó là công nghệ hóa toàn

bộ tiến trình dạy học, tự động hóa quy trình nghiệp vụ và quản lý, mở rộng đối tượng, năng lực, phạm vi giảng dạy, nâng cao chất lượng đào tạo và khả năng đáp ứng thực tiễn...Điều này đã chứng tỏ tầm quan trọng, tính cấp bách của quá trình CĐS trong giảng dạy các môn học LLCT nói riêng và công tác đào tạo của nhà trường nói chung. Để tạo bước đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và CĐS quốc gia trong giai đoạn hiện nay đòi hỏi nhà trường, khoa và mỗi bộ môn phải phải giữ vững lập trường tư tưởng chính trị của Đảng, lấy chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng, kim chỉ nam cho mọi hành động. Do đó, các môn LLCT phải được chú trọng. Trong giai đoạn hiện nay, các môn LLCT sẽ đón được nhiều cơ hội cũng như gặp không ít thách thức trong việc tiếp cận với mô hình giáo dục tiên tiến. Qua phân tích những tác động của CĐS đến nghiên cứu, giảng dạy các môn LLCT ở Việt Nam, chúng ta sẽ tận dụng tốt thời cơ để đột phá, phát huy vai trò các môn LLCT. Đồng thời, chúng ta cũng tìm cách khắc phục khó khăn và thích ứng nhanh với thời đại mới. Từ đó, các môn LLCT sẽ góp phần tạo ra thế hệ trí thức đủ tâm, đủ tầm, đủ bản lĩnh chính trị để xây dựng, phát triển đất nước, sớm bắt kịp sự phát triển của kỷ nguyên mới - kỷ nguyên vươn mình của dân tộc.

Tài liệu tham khảo

[1] Ban Chấp hành Trung ương (2024), *Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.*

[2] Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII* (tập 1), NXB Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội.

[3] Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh (2017), *Cách mạng công nghiệp lần thứ tư: Thời cơ và thách thức đối với Việt Nam,* Kỷ yếu Hội thảo ngày 10/5/2017, NXB Lý luận chính trị, Hà Nội.

[4] *Hồ Chí Minh Toàn tập* (tập 9, 1995), NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội.

[5] Phan Chí Thành (2018), *Cách mạng công nghiệp 4.0 - xu thế phát triển của giáo dục trực tuyến,* Tạp chí Giáo dục, số 421 kỳ 01 tháng 01, tr. 43-46.

NHỮNG LỖI PHÁT ÂM TIẾNG ANH THƯỜNG GẶP...

Tiếp theo trang 100

4. Kết luận

Phát âm về bản chất là hình thức nghe và bắt chước - bắt chước cho bằng giống - những gì người bản xứ nói. Việc luyện nghe thường xuyên để nhận diện âm tiết, học cách nhấn trọng âm, cách nuốt âm, nối âm, ngữ điệu lên xuống … dần dần sẽ giúp nâng cao kỹ năng nghe. Trong tiếng Anh có câu Practice makes perfect (Có công mài sắt có ngày nên kim). Luyện nghe thường xuyên là một trong những cách cần thiết cho việc học Tiếng Anh. SV cần chú ý và bắt chước cách phát âm, nối âm, nhấn trọng âm và ngữ điệu nói tiếng Anh của người bản ngữ. SV có thể nghe các bài hát, xem phim tiếng Anh và xem các video tiếng Anh phù hợp với sở thích để vừa giải trí, vừa học Tiếng Anh. Với việc nêu lên những lỗi phát âm tiếng Anh thường gặp và kết hợp với những đề xuất giải pháp khắc phục, chúng tôi hy vọng rằng bài viết sẽ ít nhiều giúp ích cho việc luyện phát âm của SV Trường Đại học Y Dược Thái Bình, làm giảm đi những lỗi phát âm sai trong quá trình giao tiếp bằng tiếng Anh.

Tài liệu tham khảo

[1] Brazil, D. (1994), *Pronunciation for Advanced Learners of English (Phát âm cho người học Tiếng Anh nâng cao),* Cambridge University Press.

[2] Đoàn Thiện Thuật (1999), *Ngữ âm tiếng Việt*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.

[3] Fraser, H. (2000), *Coordinating Improvements in Pronunciation Teaching for Adult Learners of English as a Second Language (Phối hợp cải thiện việc giảng dạy phát âm cho người lớn học Tiếng Anh như ngôn ngữ thứ hai),* Canberra: DETYA (ANTA innovative project).

[4] Hancock, M. (2003), *English Pronunciation in use (Thực hành phát âm tiếng Anh),* Oxford University Press.

[5] Hismanoglu, M. (2006), *Current Perspectives on Pronunciation Learning & Teaching (Quan điểm hiện tại về việc học và giảng dạy ngữ âm)*, Journal of Language & Linguistic Studies.

[6] Miller, S.F. (2004), *Pronunciation and the adult ESL learner (Phát âm và học viên học Tiếng Anh là người lớn)*, University of Pennsylvania.

[7] Poedjosoedarmo, G. (2004), *Teaching Pronunciation - Why, What, When, and How (Dạy phát âm - Vì sao, Cái gì, Khi nào và Như thế nào)*, SEAMEO Regional Language Centre.

[8] Trương Công Bằng (2017), *Những yếu tố ảnh hưởng đến việc học Tiếng Anh của sinh viên Việt Nam*, Tạp chí Khoa học Ngôn ngữ và Văn hóa, 1 (2), 1-9.